TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 5 năm 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Bình
2. Ông Trịnh Xuân Tháp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 441/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Anh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 61A, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Hẻm 60, đường L, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Hữu N, sinh năm 1990; Số 25A, đường Đ, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Lê Thị Anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Mai Hữu N tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2015 ngày 23/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Chúng tôi đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Mai Hữu N.

- Về con chung: Tôi và anh N có 01 con chung tên Mai Tiến D, sinh ngày 16/11/2015. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giao cháu D cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Mai Hữu N vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo các bản khai có tại hồ sơ bị đơn anh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân. Tôi thừa nhận có vay tiền của một số người dẫn đến nợ nần nhưng vẫn trong khả năng của tôi có thể trả nợ được; theo tôi cô T xin ly hôn vì đã có tình cảm với người đàn ông khác. Tôi đã thuyết phục nhiều lần nhưng cô T vẫn cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn không níu kéo nữa. Trong hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành (ngày 15/12/2017), anh N có đơn thay đổi ý kiến (đơn đề ngày 22/12/2017) đề nghị Tòa án cho anh thời gian thêm khoảng 01 tháng để anh tiếp tục hàn gắn đoàn tụ gia đình với chị T. Nếu không hàn gắn được thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và chị Lê Thị Anh T có 01 con chung tên Mai Tiến D, sinh ngày 16/11/2015. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Mai Hữu N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 25A, đường Đ, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn anh Mai Hữu N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Anh T và anh Mai Hữu N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2015 ngày 23/4/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Anh T vẫn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Hữu N do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là do không còn hợp tính tình nên bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh N không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha; anh N thường xuyên đánh bạc, vay nợ bên ngoài, nhiều lần chị phải đứng ra trả nợ thay cho

anh N nên chị không thể chịu đựng được nữa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay có gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Ngày 15/12/2017, Tòa án đã tiến hành hòa giải thành giữa chị T và anh N nhưng trong thời hạn 07 ngày theo quy định của pháp luật anh N có đơn thay đổi ý kiến yêu cầu Tòa án cho anh thời hạn khoảng 01 tháng để anh tiếp tục hòa giải hàn gắn đoàn tụ với chị T, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng quá thời hạn trên anh N và chị T cũng không hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình được. Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 15/12/2017 thì anh N đồng ý ly hôn với chị T. Theo biên bản xác minh ngày 12/12/2017 tại địa phương nơi cư trú của anh N và chị T trước khi ly thân có tại hồ sơ ghi nhận nội dung như sau: "Từ khi chung sống với nhau, anh N và chị T thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân thì địa phương không nắm được. Anh N và chị T ly thân nhau hơn một năm nay, từ khi ly thân chị T sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, còn anh N sống ở ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Theo địa phương, mâu thuẫn giữa chị T và anh N ngày càng trầm trọng khó có thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật". Như đã phân tích trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Mai Hữu N.

[2].Về nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Mai Tiến D, sinh ngày 16/11/2015 vì cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và hiện đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/5/2018.

Theo bản khai có tại hồ sơ, chị T khai làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện kinh tế nuôi con, có nhà riêng tại địa chỉ: Hẻm 60, đường L, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đảm bảo chỗ ở cho con. Theo bản khai có tại hồ sơ anh N đồng ý giao con chung Mai Tiến D cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/tháng. Ý chí của anh N là tự nguyện nên ghi nhận. Đồng thời, tại phiên tòa chị T khai anh N hiện đang làm công nhân tại Công ty C - xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thu nhập số tiền khoảng 10.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu D cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/5/2018.

[3].Về chia tài sản: Không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Anh T về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung, về cấp dưỡng. Còn về chia tài sản đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Anh T và anh Mai Hữu N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Mai Tiến D, sinh ngày 16/11/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng trên tháng) cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/5/2018.

Sau khi ly hôn anh N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 000741 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh N vắng mặt được quyền kháng trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân